

NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

● LÊ HƯƠNG GIANG

Giảng viên Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

TÓM TẮT:

Trong những năm gần đây, số lượng vụ án liên quan đến phạm nhân nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi lợi dụng các quy định pháp luật để kéo dài thời gian hoãn chấp hành án có xu hướng gia tăng đáng kể. Mặc dù hệ thống pháp luật hình sự và tố tụng đã xây dựng các chế định nhân đạo nhằm bảo đảm quyền lợi hợp lý cho người mẹ phạm tội và trẻ em, nhưng trong thực tiễn áp dụng vẫn tồn tại không ít bất cập, gây ra những hệ lụy tiêu cực đối với chính người phạm tội, hoạt động của cơ quan tư pháp và trật tự, an toàn xã hội. Những vấn đề này được nhóm tác giả nhận diện và dự kiến phân tích chi tiết trong bài viết. Từ đó, việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật được xem là yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: nguyên tắc nhân đạo, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ, Luật Hình sự.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc bảo đảm quyền con người ngày càng trở thành yêu cầu trọng tâm trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật hình sự. Trong đó, nguyên tắc nhân đạo được xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, chi phối việc xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự, thể hiện ở chính sách xử lý người phạm tội theo hướng khoan hồng, nhân văn, tôn trọng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của con người.

Một trong những biểu hiện điển hình của nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam là việc thiết lập các cơ chế pháp lý đặc thù đối với những nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, trong

đó có phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ. Đây là nhóm chủ thể vừa phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội, vừa gắn liền với việc bảo đảm quyền và lợi ích của thai nhi và trẻ em - những chủ thể cần được ưu tiên bảo vệ. Do đó, việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự đối với nhóm đối tượng này không chỉ đơn thuần là vấn đề xử lý tội phạm mà còn phản ánh rõ nét mức độ bảo đảm tính nhân đạo và quyền con người trong chính sách hình sự của Nhà nước.

Thực tiễn cho thấy, pháp luật hình sự Việt Nam đã ghi nhận nhiều quy định tiến bộ đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ, như: không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong những trường hợp nhất

định; đồng thời xem xét tình trạng mang thai hoặc nuôi con nhỏ như một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này trên thực tế vẫn còn tồn tại những vướng mắc nhất định, đòi hỏi cần có sự nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện.

2. Khái quát về nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ theo pháp luật hình sự Việt Nam

2.1. Khái quát chung

Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự được hiểu là tổng thể các tư tưởng chủ đạo trong hoạt động xây dựng quy định pháp luật hình sự cũng như việc áp dụng hình phạt và các biện pháp tư pháp khác đối với người phạm tội, phải đảm bảo tính khoan hồng, độ lượng. Việc áp dụng các hình phạt nhằm mục đích giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chứ không nhằm mục đích làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người phạm tội (Mai Trí Đức, 2017).

Trên cơ sở đó, trong pháp luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc nhân đạo không chỉ thể hiện ở chính sách xử lý khoan hồng đối với người phạm tội nói chung mà còn được cụ thể hóa thông qua các quy định mang tính ưu tiên đối với những nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt. Trong số đó, phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ được xác định là nhóm chủ thể dễ bị tổn thương trong xã hội, do chịu sự tác động đồng thời của các yếu tố sinh học, tâm lý và trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

Cụ thể, về mặt sinh học, phụ nữ trong thời kỳ mang thai và nuôi con nhỏ có những biến đổi đặc thù về sức khỏe và tâm lý, dẫn đến khả năng chịu đựng các tác động tiêu cực từ môi trường giam giữ hoặc các biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc bị hạn chế. Đồng thời, về mặt xã hội, họ còn thực hiện thiên chức làm mẹ, gắn liền với việc bảo đảm sự phát triển toàn diện của thai nhi và trẻ nhỏ - những chủ thể hoàn toàn phụ thuộc và cần được bảo vệ đặc biệt. Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với nhóm đối tượng này không chỉ ảnh hưởng đến bản thân người phạm tội mà còn tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của trẻ em.

Từ góc độ quyền con người, phụ nữ và trẻ em đều được thừa nhận là những nhóm cần được ưu tiên bảo vệ trong các chuẩn mực pháp lý quốc tế cũng như trong pháp luật quốc gia. Chính vì vậy, nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam được vận dụng một cách linh hoạt và phù hợp đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ, nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm với việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của các nhóm yếu thế trong xã hội.

2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ.

Quy định của pháp luật Việt Nam thể hiện nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ được cụ thể hóa thông qua một số cơ chế pháp lý chủ yếu sau:

Thứ nhất, quy định về không áp dụng hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Điều 40 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2025) (Quốc hội, 2015). Theo đó, không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội hoặc khi bị xét xử. Đồng thời, trong trường hợp người phụ nữ đã bị tuyên án tử hình nhưng sau đó được xác định là đang mang thai, thì hình phạt tử hình sẽ không được thi hành mà được chuyển thành hình phạt tù chung thân.

Thứ hai, pháp luật hình sự Việt Nam quy định tình trạng người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ được xem là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n - khoản 1 - Điều 51 BLHS 2015. Theo quy định này, khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể xem xét yếu tố trên như một căn cứ để giảm nhẹ mức hình phạt trong phạm vi khung hình phạt đã được luật định. Đồng thời, Tòa án cũng có thể cân nhắc lựa chọn các biện pháp xử lý mang tính nhân đạo và phù hợp hơn, như cho hưởng án treo hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp khác, nhằm bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và chính sách bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

Thứ ba, pháp luật hình sự Việt Nam quy định tại Điều 67 của Bộ luật Hình sự 2015 về việc hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án là phụ nữ đang mang thai hoặc đang trực tiếp nuôi con nhỏ. Cụ thể, theo điểm b khoản 1 Điều 67, người bị kết án phạt tù là phụ nữ có thai hoặc đang trực tiếp nuôi con dưới 36 tháng tuổi (không phân biệt con đẻ hay con nuôi) có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Việc hoãn chấp hành hình phạt tù được xem xét áp dụng khi người bị kết án có nơi cư trú rõ ràng, không có dấu hiệu bỏ trốn và không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho xã hội. Bên cạnh đó, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được áp dụng đối với trường hợp người đang chấp hành án phạt tù mà phát sinh tình trạng mang thai hoặc đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định tạm dừng việc chấp hành án trong một thời gian nhất định nhằm bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người mẹ và trẻ em.

Thứ tư, chế độ trong phòng giam đối với phụ nữ mang thai theo Luật Thi hành án Hình sự 2025 được quy định theo hướng bảo đảm điều kiện sinh hoạt phù hợp với tình trạng thai sản. Theo đó, phạm nhân được bố trí giam giữ tại khu vực riêng hoặc phòng giam bảo đảm vệ sinh, an toàn; được chăm sóc y tế, khám thai định kỳ; hưởng chế độ dinh dưỡng phù hợp và được giảm nhẹ hoặc miễn lao động khi cần thiết. Những quy định này nhằm bảo vệ sức khỏe của người mẹ và sự phát triển của thai nhi, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo trong thi hành án hình sự.

3. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ theo pháp luật hình sự hiện hành.

Nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ luôn được Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền đặc biệt coi trọng, đề cao trong quá trình tổ chức thi hành, đồng thời được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ nhằm bảo đảm hiệu lực của pháp luật và quyền, lợi ích hợp pháp của phạm nhân nữ cũng như con của họ.

Trường hợp Hà Thị Sâm là minh chứng điển hình cho việc áp dụng nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ mang thai trong hệ thống trại tạm giam ở Việt Nam. Sâm bị bắt quả tang ngày 22/4/2012 khi vận chuyển ma túy từ Quế Phong về Tân Kỳ để tiêu thụ và bị tạm giam từ ngày 27/5/2012. Trong thời gian tạm giam, cơ quan chức năng phát hiện Sâm đang mang thai 5 tháng và đã kịp thời đưa đi khám tại cơ sở y tế chuyên khoa để xác định tình trạng thai kỳ, đồng thời phối hợp với các cơ quan tổ tụng để xử lý theo quy định. Mặc dù phạm tội nghiêm trọng, Sâm vẫn được áp dụng chế độ quản lý, chăm sóc đặc biệt dành cho phụ nữ mang thai trong trại tạm giam, bao gồm chế độ dinh dưỡng phù hợp, theo dõi sức khỏe định kỳ và sự hỗ trợ trực tiếp từ cán bộ quản giáo. Nhờ đó, Sâm đã sinh con an toàn trong điều kiện được yêu thương, chăm sóc và nâng đỡ của các cán bộ chiến sĩ, vừa trực, vừa chăm sóc bà mẹ, trẻ em. Xuất phát từ chính sách nhân đạo, trại tạm giam đã làm tất cả những gì có thể để đảm bảo cho sản phụ và thai nhi được chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. (Thiên Thảo, 2012)

Một trường hợp khác có thể nhắc đến là Bùi Thị Phương Nga, quê Quảng Bình, cư trú tại Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu). Khi bị khởi tố ngày 29/8/2023 bởi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Nga đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, mặc dù vụ án có tính chất nghiêm trọng, cơ quan tiến hành tố tụng đã không áp dụng biện pháp tạm giam mà thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, thể hiện sự vận dụng nguyên tắc nhân đạo trong tố tụng hình sự. (Hải Đăng, 2024)

Thêm vào đó, trường hợp khác là Nguyễn Thị Oanh, quê Võ Nhai, Thái Nguyên. Oanh bị kết án tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (liên quan đến 20 bánh heroin) và bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình giam giữ, qua kiểm tra y tế định kỳ, Oanh được phát hiện đang mang thai. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt nghiêm trọng của tội phạm, Oanh vẫn bị quản lý giam giữ nghiêm ngặt theo quy định. Dẫu vậy, việc mang thai đã làm phát sinh hệ quả pháp lý quan

trọng: theo quy định của pháp luật hình sự, án tử hình đối với Oanh được chuyển thành tù chung thân. (Nhóm PV Nghiệp vụ, 2006)

Có thể thấy, nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ trong pháp luật hình sự Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng. Nguyên tắc này không chỉ góp phần bảo vệ sức khỏe, danh dự và quyền lợi chính đáng của phụ nữ trong quá trình xử lý hình sự, mà còn bảo đảm quyền được sống, chăm sóc và phát triển toàn diện của trẻ em. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để cân bằng giữa tính nghiêm minh của pháp luật và giá trị nhân đạo, qua đó thể hiện bản chất tiến bộ của chính sách hình sự Việt Nam.

4. Những bất cập trong việc áp dụng nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ theo pháp luật hình sự hiện hành.

Thứ nhất, trên thực tế có trường hợp phạm nhân nữ lợi dụng nguyên tắc nhân đạo để kéo dài thời gian thi hành án. Điển hình là Bùi Thị Thu Hà (Phú Quốc), bị phạt 10 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đang nuôi con nhỏ, Hà nhiều lần được Tòa án cho hoãn chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên, trước mỗi thời điểm phải thi hành án, Hà lại tiếp tục mang thai và sinh con, từ đó tiếp tục xin hoãn. Kết quả, trong suốt nhiều năm, việc thi hành án của Hà liên tục bị trì hoãn, cho thấy sự bị lợi dụng của quy định mang tính nhân đạo này. Tương tự, trường hợp Nguyễn Thị Huệ - bị tuyên án tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” - đã cấu kết với phạm nhân Nguyễn Tuấn Hưng để mang thai trong thời gian giam giữ nhằm được chuyển án từ tử hình sang tù chung thân theo quy định pháp luật. Những trường hợp này cho thấy, nguy cơ bị lợi dụng của các quy định mang tính nhân đạo nếu thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ.

Thứ hai, quy định hiện hành chỉ tập trung bảo vệ phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà không mở rộng cho những người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em trong trường hợp tương tự, chẳng hạn như cha đẻ hoặc người thân khác (ông bà, cô chú). Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp người cha là người duy nhất trực tiếp chăm sóc con nhỏ

sau khi mẹ mất hoặc không thể nuôi dưỡng, nhưng họ vẫn phải chịu tạm giam, tử hình hoặc chấp hành án tù ngay lập tức. Điều này dẫn đến tình trạng trẻ em dưới 36 tháng tuổi bị bỏ rơi hoặc giao cho người khác chăm sóc, vi phạm quyền trẻ em theo Công ước quốc tế về Quyền trẻ em mà Việt Nam đã tham gia. Sự giới hạn này tạo ra khoảng trống pháp lý, khiến chính sách nhân đạo không toàn diện và thiếu tính bao quát.

Thứ ba, các quy định hiện hành chưa làm rõ thời điểm hoặc điều kiện chấm dứt hoãn chấp hành án phạt tù, ví dụ khi thai nhi chết trước khi sinh hoặc trẻ em chết trước khi đủ 36 tháng tuổi. Trong thực tiễn, một số trường hợp bị đình chỉ hoãn đột ngột dẫn đến tranh chấp, kéo dài thủ tục thi hành án và gây bất ổn cho người chấp hành. Sự mơ hồ này làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật, tạo cơ hội cho lạm dụng hoặc khiếu nại, đồng thời không đảm bảo tính thống nhất giữa các địa phương.

5. Kiến nghị hoàn thiện các bất cập trong việc áp dụng nguyên tắc nhân đạo đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ theo pháp luật hình sự hiện hành

Thứ nhất, cần quy định các chế tài cụ thể đối với trường hợp phạm nhân nữ lợi dụng việc mang thai hoặc nhận nuôi con dưới 36 tháng tuổi nhằm mục đích hoãn thi hành án. Tuy nhiên, việc xử lý các trường hợp này phải được cân nhắc trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc nhân đạo và quyền lợi tốt nhất cho trẻ em. Theo đó, trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ, vẫn áp dụng các chế định pháp luật theo hướng bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho trẻ em, không thực hiện việc tách mẹ và con nhằm tránh mâu thuẫn với chính sách nhân đạo. Tuy nhiên, sau khi kết thúc thời gian thai sản hoặc thời gian nuôi con nhỏ, hành vi gian dối nêu trên sẽ bị xử lý bằng cách coi là tình tiết tăng nặng, làm căn cứ để kéo dài thời gian chấp hành hình phạt tù. Việc kéo dài thời gian chấp hành án có thể được áp dụng linh hoạt, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm của từng trường hợp cụ thể, bảo đảm vừa giữ vững tính nghiêm minh của pháp luật, vừa hài hòa với chính sách nhân đạo của Nhà nước.

Thứ hai, mở rộng đối tượng áp dụng từ “phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi” thành “phụ nữ có thai hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi”. Khái niệm “người trực tiếp nuôi dưỡng” cần được định nghĩa rõ ràng, bao gồm cha đẻ, ông bà hoặc người thân khác dựa trên giấy khai sinh, quyết định của tòa án về quyền nuôi con hoặc xác nhận của UBND cấp xã, nhằm tránh tranh chấp và đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn.

Thứ ba, xem xét bổ sung quy định cụ thể về điều kiện chấm dứt hoãn chấp hành án phạt tù, chẳng hạn hoãn đến khi trẻ đủ 36 tháng tuổi, thai nhi chết trước khi sinh (xác nhận bằng giấy chứng tử y tế) hoặc trẻ tử vong trước thời hạn (xác nhận tương tự), đồng thời quy định thời hạn tối đa hoãn không quá 5 năm để tránh lạm dụng. Giải pháp này không chỉ loại bỏ sự mơ hồ hiện nay mà còn hài hòa lợi ích giữa thi hành án và bảo vệ trẻ em, phù hợp với Công ước quốc tế về Quyền trẻ em 1989 mà Việt Nam đã phê chuẩn.

6. Kết luận

Nhìn chung, các chế định áp dụng đối với phạm nhân nữ có thai hoặc đang trực tiếp nuôi con dưới 36 tháng tuổi là biểu hiện rõ nét của chính sách hình sự mang tính nhân đạo trong pháp luật Việt Nam, thể

hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với thiên chức làm mẹ cũng như bảo đảm các quyền và lợi ích thiết yếu của trẻ em trong quá trình thi hành án.

Tuy nhiên, nếu các quy định này không được tiếp tục hoàn thiện theo hướng chặt chẽ và đồng bộ, thì có thể phát sinh nguy cơ bị lợi dụng, làm sai lệch mục đích nhân đạo ban đầu của pháp luật, thậm chí trở thành phương tiện che giấu hoặc trì hoãn việc thực hiện trách nhiệm hình sự, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến tính nghiêm minh của pháp luật và uy tín của hệ thống tư pháp.

Vì vậy, cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là làm rõ các tiêu chí xác định “người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi”, quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng cũng như thời điểm chấm dứt việc hoãn chấp hành án. Việc hoàn thiện này phải bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu nhân đạo và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, qua đó vừa bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất, minh bạch, vừa không làm suy giảm hiệu lực của trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo vệ một cách thực chất quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, tránh việc các em bị lợi dụng như một công cụ nhằm phục vụ mục đích cá nhân trong các vụ án hình sự ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội (2015). Luật số 100/2015/QH13, Bộ Luật Hình sự, ban hành ngày 27/11/2015.

Trần Thị Hồng Lê (2017). Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật Hình sự ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ Luật học. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mai Chí Đức (2017). Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lê Thị Diễm Hằng (2021). Bảo vệ phụ nữ bằng Bộ Luật Hình sự năm 2015 - Quy định pháp luật và một số giải pháp. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 17 Kỳ 1 tháng 9/2021.

Nguyễn Văn Lam (2022). Bất cập về chế định áp dụng đối với người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Tạp chí Tòa án nhân dân.

Thiên Thảo (2012). Chuyện về những bà mẹ sinh con trong trại giam. Công an tỉnh Nghệ An.

Hải Đăng (2024). Bị phạt 14 năm tù, lợi dụng được tại ngoại do nuôi con nhỏ để tiếp tục lừa đảo. Báo bảo vệ pháp luật.

Nhóm PV Nghiệp vụ (2006). Vụ nữ tử tù có thai: Nguyễn Thị Oanh đã có ý đồ chạy án tử hình?. Báo Công an Nhân dân.

Ngày nhận bài: 15/03/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/03/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 10/04/2026

HUMANITARIAN PRINCIPLES GOVERNING
THE TREATMENT OF PREGNANT WOMEN
AND MOTHERS OF YOUNG CHILDREN
UNDER VIETNAM’S CRIMINAL CODE

● LE HUONG GIANG

Lecturer, Hong Duc University

ABSTRACT:

In recent years, there has been a marked increase in cases involving female offenders who are pregnant or raising children under 36 months of age and who exploit existing legal provisions to prolong the suspension of their sentences. Although the criminal and procedural legal framework incorporates humane measures to safeguard the legitimate rights of both the offender as a mother and the child, significant shortcomings persist in practice. These deficiencies have generated adverse consequences for the offenders themselves, undermined the effective functioning of the judicial system, and posed challenges to social order and public safety. This study identifies and critically examines these issues, thereby highlighting the urgent and substantial need for legal reform and the formulation of appropriate policy recommendations in the current context.

Keywords: humanitarian principles, pregnant women, raising young children, Criminal Code.